TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **206**/2020/QĐST – HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 15 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải; Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 07 tháng 7 năm 2020;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 182/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây;

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Bà **Phan Thị Thúy T**, sinh ngày 23/02/1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 37, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Chỗ ở: Lô 59.8 khu đô thị P, phường H, quận C, TP Đà Nẵng;

- Ông **Bùi Minh Tuấn**, sinh ngày 15/6/1984; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 37, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Chỗ ở: Lô 59.8 khu đô thị P, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thúy T và ông Bùi Minh T kết hôn với nhau vào tháng 12/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận H, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà chung sống tại H05/20A đường T, phường H, quận C, TP Đà Nẵng, sau đó chuyển đến sinh sống tại địa chỉ Lô 59.8 khu đô thị P, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Qúa trình chung sống đến năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Từ năm 2012 đến nay vợ chồng bà T, ông T đã sống ly thân với nhau, không ai quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Nay nhận thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm

trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, do đó bà T, ông T là đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Qúa trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà T, ông T vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy bà Phan Thị Thúy T và ông Bùi Minh T thực sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà T, ông T.

[2] Về con chung: Bà Phan Thị Thúy T và ông Bùi Minh T xác định vợ chồng ông, bà có 01 con chung tên Bùi Nguyễn Anh T, sinh ngày 17/4/2007. Ly hôn bà T, ông T thống nhất thỏa thuận: Giao con chung Bùi Nguyễn Anh T cho bà Phan Thị Thúy T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Bùi Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà T, ông T xác định không có.

[4] Về nợ chung: Bà T, ông T xác định không có.

[5] Về lệ phí tòa án: Lệ phí việc hôn nhân gia đình do người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình chịu theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải; Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự Phan Thị Thúy T và ông Bùi Minh T, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phan Thị Thúy T và ông Bùi Minh T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của bà Phan Thị Thúy T và ông Bùi Minh T về việc nuôi dưỡng con chung như sau: Giao con chung Bùi Nguyễn Anh T, sinh ngày 17/4/2017 cho bà Phan Thị Thúy T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Bùi Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không nuôi dưỡng con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà T, ông T thống nhất xác định không có.
- *Về nợ chung*: Bà T, ông T thống nhất xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình bà Phan Thị Thúy T và ông Bùi Minh T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai thu

số 0001193 ngày 19/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Như vậy bà Trâm, ông Tuấn đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường T,
Quận H, TP Đà Nẵng
(Số 191/2006, quyển số 01)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cương